

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST

Ngày: 26/5/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Quang Văn

Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nho Quan

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thu Hòa- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2025/TLST- DS ngày 12 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐST-DS ngày 20/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Ngân hàng TMCP Q; Trụ sở: Tầng 1(tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà S- số A P, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T– Chức vụ: Giám đốc - Khối Ngân hàng Bán lẻ

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Nguyễn Đình T: Bà Nguyễn Thị H - Chức vụ: Giám đốc THNTT và XLN Vùng – Vùng Đông Hà N- Khối mạng lưới kinh doanh Ngân hàng bán lẻ

Người đại diện theo ủy quyền lại của bà Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Tạ Thu H1, ông Nguyễn Mạnh C, ông Trương Đình T1- Cán bộ Ngân hàng TMCP Q;

Địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà C, số D T, quận Đ, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh Vũ Tiến H2; sinh năm: 1994; Địa chỉ: Thôn Đ, xã S (nay xã P), huyện N, tỉnh Ninh Bình

Tại phiên tòa: bà Tạ Thu H1 (Có mặt), anh H2 (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

1. Quá trình ký kết HĐTD và HĐTC:

Ngân hàng TMCP Q (V1) – Chi nhánh Sở Giao Dịch cấp tín dụng cho Ông Vũ Tiến H2, chi tiết như sau:

- HĐTD số 3640703.23 ngày 19/07/2023;

Số tiền vay: 1.300.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm triệu đồng);

Mục đích vay: kinh doanh của hàng sách, thiết bị giáo dục, đồ chơi, quà tặng.;

Thời hạn vay: 12 tháng;

Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân bằng 9.5%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 03 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Lãi suất sẽ được V1 điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3.2%/năm;

Trả nợ gốc: cuối kỳ;

Trả nợ lãi: vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi đầu tiên: 25/08/2023;

- HĐTD số 2878802.23 ngày 05/10/2023;

Số tiền vay: 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng);

Mục đích vay: sửa chữa nhà không làm thay đổi kết cấu tại địa chỉ: Tổ D, phường P, quận L, thành phố Hà Nội;

Thời hạn vay: 180 tháng;

Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân bằng 12%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 24 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Lãi suất sẽ được V1 chủ động điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4.1%/năm.

Trả nợ gốc: vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả gốc đầu tiên: 25/10/2023. Số tiền gốc phải trả hàng tháng: 2.778.000 đồng.

Trả nợ lãi: vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi đầu tiên: 25/10/2023.

- Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 07/07/2023

Hạn mức vay: 130.000.000 đồng;

Mục đích: Tiêu dùng;

Trả nợ lãi, phí: theo biểu phí VIB từng thời kỳ;

• HĐTC quyền sử dụng đất số công chứng: 03088, quyền số 07.2023 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1 lập ngày 19/07/2023;

• Tài sản thế chấp: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 561+560, tờ bản đồ số: 33, địa chỉ: Tổ D, phường P, quận L, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DL 201485, vào sổ cấp GCN QSDĐ số: CN 02396 do Văn phòng C1 – chi nhánh quận L cấp ngày 20/06/2023, đứng tên ông Vũ Tiến H2.

2. Quá trình thực hiện hợp đồng:

Ngày 21/07/2023 V1 đã giải ngân cho Ông Vũ Tiến H2 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3640703(1).23 ngày 19/07/2023 với số tiền 1.300.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với HĐTD.

Ngày 05/10/2023 V1 đã giải ngân cho Ông Vũ Tiến H2 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2878802(1).23 với số tiền 500.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với HĐTD.

Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 07/07/2023 với nội dung: VIB cấp cho Ông Vũ Tiến H2 vay 02 thẻ tín dụng với tổng hạn mức thẻ: 130.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng.

Trong thời gian thực hiện HĐTD, Ông Vũ Tiến H2 đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến thời điểm ngày 11/11/2024, Ông Vũ Tiến H2 chỉ trả được 25.002.000 đồng tiền gốc, 177.863.391 đồng tiền lãi theo các HĐTD. Mặc dù V1 đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ, nhưng Ông Vũ Tiến H2 vẫn chây ỳ, không trả nợ. Khoản nợ của Ông Vũ Tiến H2 đã chuyển sang quá hạn từ ngày 22/07/2024.

- Dư nợ tính đến ngày 29/04/2025 là: **2.029.101.682** đồng, bao gồm:

* Đối với Hợp đồng tín dụng số 3640703.23 ngày 19/07/2023 tổng số tiền nợ trong hợp đồng: **1.487.761.670** đồng

- Nợ gốc là: 1.300.000.000 đồng,

- Nợ lãi là: 11.251.233 đồng,

- Nợ lãi quá hạn là: 176.510.437 đồng;

* Đối với hợp đồng tín dụng số 2878802.23 ngày 05/10/2023 Tổng dư nợ là **539.529.009** đồng, nợ gốc là: 474.998.000 đồng, nợ lãi là: 28.186.755 đồng, nợ lãi quá hạn là: 36.344.254 đồng;

* Đối với Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 07/07/2023 Tổng dự nợ là **1.811.003** đồng trong đó nợ gốc là: 0 đồng, nợ lãi quá hạn là: 11.003 đồng, phí là 1.800.000 đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, VIB và các bên bảo đảm đã ký các Hợp đồng thế chấp sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 03088, quyền số 07.2023 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1 lập ngày 19/07/2023 (“HĐTC”) và thỏa thuận giá trị tài sản bảo đảm giữa V1 và Ông Vũ Tiến H3 để thế chấp tài sản là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 561+560, tờ bản đồ số: 33, địa chỉ: Tổ D, phường P, quận L, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DL 201485, vào sổ cấp GCN QSDĐ số: CN 02396 do Văn phòng C1 – chi nhánh quận L cấp ngày 20/06/2023, đứng tên ông Vũ Tiến H2.

VIB và các bên bảo đảm đã hoàn thiện thủ tục thế chấp tài sản tại Văn phòng công chứng Vạn Xuân thành phố C1 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng C1 – chi nhánh quận L ngày 19/7/2023.

Trong quá trình vay vốn, khoản vay của Ông Vũ Tiến H2 phát sinh nợ quá hạn, VIB đã nhiều lần làm việc với khách hàng yêu cầu khách hàng trả nợ vay và phối hợp cùng VIB tự xử lý tài sản đảm bảo... Tuy nhiên, khách hàng không trả nợ, vi phạm các cam kết trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Yêu cầu khởi kiện và phiên họp tiếp cận và tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

- Buộc Ông Vũ Tiến H2 phải trả cho V1 tổng số tiền tính đến ngày 26/5/2025 là: **2.053.849.001 đồng**, bao gồm:

+ Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 3640703.23 ngày 19/07/2023 tổng dự nợ là **1.504.721.748** đồng trong đó nợ gốc là: 1.300.000.000 đồng, nợ lãi là: 11.251.233 đồng, nợ lãi quá hạn là: 193.470.515 đồng;

+ Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 2878802.23 ngày 05/10/2023 Tổng dự nợ là **547.116.250** đồng, trong đó nợ gốc là: 474.998.000 đồng, nợ lãi là: 28.186.755 đồng, nợ lãi quá hạn là: 43.931.495 đồng;

+ Dư nợ theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 07/07/2023 Tổng dự nợ là **2.011.003** đồng trong đó nợ gốc là: 0 đồng, nợ lãi quá hạn là: 11.003 đồng, phí là 2.000.000 đồng.

- Ông Vũ Tiến H2 tiếp tục phải trả cho VIB nợ lãi phát sinh kể từ ngày 27/5/2025 theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại các Hợp đồng tín dụng cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 3640703.23 ngày 19/07/2023; Hợp đồng tín dụng số 2878802.23 ngày 05/10/2023; đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 07/7/2023 cho

đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho V1.

Trong trường hợp Ông Vũ Tiến H2 không trả được nợ, VIB có quyền phát mại, xử lý tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản để thu hồi nợ đối với tài sản bảo đảm là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 561+560, tờ bản đồ số: 33, địa chỉ: Tổ D, phường P, quận L, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DL 201485, vào sổ cấp GCN QSDĐ số: CN 02396 do Văn phòng C1 – chi nhánh quận L cấp ngày 20/06/2023, đứng tên ông Vũ Tiến H2.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán khoản nợ của Ông Vũ Tiến H2 tại V1. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Ông Vũ Tiến H2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho V1.

Đối với bị đơn Ông Vũ Tiến H2: Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn đều vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Nho Quan tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Ông Vũ Tiến H2. Tuy nhiên bị đơn không đến Tòa án; không văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không cung cấp tài liệu chứng cứ và không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Áp dụng Khoản 3 điều 26, điểm Điều 35, Điều 39, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 299, 303, 319, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015

Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q đối với Ông Vũ Tiến H2 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Buộc Ông Vũ Tiến H2 phải trả cho V1 tổng số tiền tính đến ngày 26/5/2025 là: **2.053.849.001 đồng** theo các hợp đồng và phát hành thẻ, cụ thể

+ Buộc Ông Vũ Tiến H2 phải thanh toán trả toàn bộ số tiền còn nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 26/5/2025 đối với Hợp đồng tín dụng số 3640703.23 ngày 19/07/2023 tổng dư nợ là **1.504.721.748 đồng** trong đó nợ gốc là: 1.300.000.000 đồng, nợ lãi là: 11.251.233 đồng, nợ lãi quá hạn là: 193.470.515 đồng

+ Buộc Ông Vũ Tiến H2 phải thanh toán trả toàn bộ số tiền còn nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 26/5/2025 đối với Hợp đồng tín dụng số 2878802.23 ngày 05/10/2023 Tổng dư nợ là **547.116.250 đồng**, trong đó nợ gốc là: 474.998.000 đồng, nợ lãi là: 28.186.755 đồng, nợ lãi quá hạn là: 43.931.495 đồng;

+ Buộc Ông Vũ Tiến H2 phải thanh toán trả toàn bộ số tiền còn nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 26/5/2025 đối với Hợp đồng mở thẻ tín dụng 07/07/2023 Tổng dư nợ là **2.011.003 đồng** trong đó nợ gốc là: 0 đồng, nợ lãi quá hạn là: 11.003 đồng, phí là 2.000.000 đồng.

2. Ông Vũ Tiến H2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng kể từ ngày 27/5/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

3. Trong trường hợp Ông Vũ Tiến H2 không trả hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ thì Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 561+560, tờ bản đồ số: 33, địa chỉ: Tổ D, phường P, quận L, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DL 201485, vào sổ cấp GCN QSDĐ số: CN 02396 do Văn phòng C1 – chi nhánh quận L cấp ngày 20/06/2023, đứng tên ông Vũ Tiến H2.

Trong trường hợp số tiền phát mại, thu hồi tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ông Vũ Tiến H2 còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền còn thiếu cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa ngày 20/5/2025, đại diện Ngân hàng TMCP Q (viết tắt V1) có mặt; Ông Vũ Tiến H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét

xử ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 5 năm 2025.

Tại phiên tòa ngày 26/5/2025, đại diện Ngân hàng TMCP Q có mặt; Ông Vũ Tiến H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt, bị đơn .

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng TMCP Q với Ông Vũ Tiến H2. Trong vụ án này Ông Vũ Tiến H2 không có đăng ký kinh doanh, vay tiền nhằm mục đích kinh doanh cửa hàng sách và thiết bị giáo dục, đồ chơi và quà tặng và tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì Ông Vũ Tiến H2 có nơi cư trú tại: xã S, huyện N tỉnh Ninh Bình. Do đó căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng ”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc và nợ lãi của nguyên đơn: VIB yêu cầu Ông Vũ Tiến H2 phải trả cho V1 tổng số tiền tính đến ngày 26/5/2025 là: **2.053.849.001 đồng**, bao gồm:

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 3640703.23 ngày 19/07/2023 tổng dư nợ là **1.504.721.748 đồng** trong đó nợ gốc là: 1.300.000.000 đồng, nợ lãi là: 11.251.233 đồng, nợ lãi quá hạn là: 193.470.515 đồng;
- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 2878802.23 ngày 05/10/2023 Tổng dư nợ là **547.116.250 đồng**, trong đó nợ gốc là: 474.998.000 đồng, nợ lãi là: 28.186.755 đồng, nợ lãi quá hạn là: 43.931.495 đồng;
- Dư nợ theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 07/07/2023 Tổng dư nợ là **2.011.003 đồng** trong đó nợ gốc là: 0 đồng, nợ lãi quá hạn là: 11.003 đồng, phí là 2.000.000 đồng.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ căn cứ để xác định:

Các Hợp đồng tín dụng số 3640703.23 ngày 19/07/2023 ; Hợp đồng tín dụng số 2878802.23 ngày 05/10/2023; Hợp đồng mở thẻ tín dụng ngày 07/7/2023 được ký kết giữa ông Vũ Tiến H2 và đại diện của V1 là hợp đồng được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng vay VIB đã giải ngân số tiền vay và ông Vũ Tiến H2 đã ký giấy nhận nợ. Trong quá trình

thực hiện hợp đồng ông H2 vi phạm, V1 đã đơn đốc và có văn bản làm việc với ông H2, ông H2 đã xin khất nợ, nó thuộc trường hợp không phải chứng minh, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận đó là sự thật. Trong quá trình vay, ông H2 mới thanh toán trả cho V1 số tiền nợ gốc là: 25.002.000 đ và nợ lãi thông thường là 177.863.391 đồng theo các hợp đồng tín dụng, do vi phạm nghĩa vụ nên toàn bộ khoản vay trên chuyển sang nợ quá hạn. Sau khi phát sinh nợ quá hạn VIB đã nhiều lần đơn đốc tạo điều kiện cho ông H2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nhưng ông H2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy ông H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo nội dung đã thỏa thuận như trong hợp đồng, cụ thể là không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và nợ lãi đến hạn. Vì vậy, căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 của luật Tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi của Ngân hàng TMCP Q,

[2.2] Về nợ gốc; lãi và phí thẻ phải trả:

- Về nợ gốc: Sau khi các Hợp đồng tín dụng được ký kết thì bị đơn ông H2 đã thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết 19/7.2023 và Hợp đồng tín dụng và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ 05/10/20223. Riêng đối với Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán ngày 07/7/2023 thì bị đơn đã trả được số tiền nợ gốc. Vì vậy việc ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả cho ngân hàng số tiền Nợ gốc là: 1.300.000.000đồng đối với hợp đồng tín dụng ngày 19/7/2023; Nợ gốc 474.998.000 đồng đối với hợp đồng tín dụng ký ngày 05/10/2023 là phù hợp với số tiền gốc đã vay, tiền gốc đã trả và phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nợ lãi và phí thẻ tín dụng: Căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán do các bên đã thỏa thuận, Hội đồng xét xử xét thấy kể ngày ông Vũ Tiến H2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến nay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng mở thẻ tín dụng như đã ký kết.

Cụ thể tại hợp đồng tín dụng số 3640703.23 ngày 19/07/2023; Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 9,5% / Năm và lãi suất này ưu đãi trong 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,2%/ năm; 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn như vậy tổng số tiền lãi bị đơn ông Vũ Tiến H2 phải trả cho Ngân hàng tại Hợp đồng tín dụng ngày 19/7/2023 (tạm tính đến ngày 26/5/2025) là Lãi trong hạn 11.2581.233 đồng; Lãi quá hạn: 176.510.437 đồng.

Tại hợp đồng tín dụng số 2878802.23 ngày 05/10/2023; Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 12% / năm và lãi suất này ưu đãi trong 24 tháng đầu kể từ ngày giải

ngân hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,1%/ năm; 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn như vậy tổng số tiền lãi bị đơn ông Vũ Tiến H2 phải trả cho Ngân hàng tại Hợp đồng tín dụng ngày 05/10/2023 (tạm tính đến ngày 26/5/2025) là Lãi trong hạn 28.186.755 đồng; Lãi quá hạn 43.931.495 đồng.

Tại hợp đồng mở thẻ tín dụng thì lãi suất thẻ được tính Số tiền lãi= số dư nợ gốc tính lãi x lãi suất (% năm) x số ngày tính lãi/ 365 ngày. Tạm tính đến ngày 26/5/2025 nợ lãi đối với thẻ tín dụng: 11.003 đồng và phí thẻ: 2.000.000 đồng.

Do đó, ngoài việc phải trả tiền lãi trong hạn thì bị đơn ông Vũ Tiến H2 còn phải trả tiền lãi quá hạn tại các Hợp đồng tín dụng và phí thẻ tín dụng như các bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng mở thẻ tín dụng nên yêu cầu trả lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí thẻ tín dụng của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 466; Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Vũ Tiến H2 phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/5/2025 đến khi trả hết nợ theo mức lãi mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng mở thẻ tín dụng.

[2.3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 19/7/2023 ông Vũ Tiến H2 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 03088, quyền số 07.2023 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1 công chứng ngày 19/7/2023 và văn bản cam kết ngày 19/7/2023 giữa V1 và ông Vũ Tiến H2 để thế chấp tài sản là Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 561+560, tờ bản đồ số: 33, địa chỉ: Tổ D, phường P, quận L, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DL 201485, vào sổ cấp GCN QSDĐ số: CN 02396 do Văn phòng C1 – chi nhánh quận L cấp ngày 20/06/2023, đứng tên ông Vũ Tiến H2.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nhận thấy: Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa chủ tài sản ông Vũ Tiến H2 với đại diện V1 là hoàn toàn tự nguyện; về hình thức và nội dung của hợp động thế chấp đều đảm bảo đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật và được công chứng tại Phòng công chứng được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp cho đến nay tài sản của ông Vũ Tiến H2 vẫn giữ nguyên hiện trạng như khi thế chấp các mốc giới không có gì thay đổi so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy Hợp đồng thế chấp tài sản trên được hiện theo đúng quy định tại Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 167 luật đất đai năm

2013; Điều 9; Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Khoản 1 Điều 168 Luật Đất đai năm 2013 quy định “ *Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất khi có Giấy chứng nhận*”, ông Vũ Tiến H2 được Văn phòng C1 – chi nhánh quận L công nhận quyền sử dụng tại thửa đất số: 561+560, tờ bản đồ số: 33, địa chỉ: Tổ D, phường P, quận L, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DL 201485, vào sổ cấp GCN QSDĐ số: CN 02396 như vậy đây là quyền hợp pháp của ông Vũ Tiến H2 nên Ngân hàng đã nhận thế chấp thửa đất số: 561+560, tờ bản đồ số: 33 và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho việc vay nợ tại Ngân hàng. Như vậy ông H2 đã dùng tài sản của ông H2 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 561+560 để thế chấp Ngân hàng nhằm đảm bảo cho số tiền ông H2 được ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Vũ Tiến H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp đứng tên chủ sử dụng ông Vũ Tiến H2 để thu hồi nợ là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với Điều 299; Điều 303; Điều 317, Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321; Điều 322; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V1, ông Vũ Tiến H2 vẫn phải tiếp tục trả hết các khoản nợ cho ngân hàng V1 như đã thỏa thuận. Căn cứ quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và sự thỏa thuận của các bên đương sự trong quá trình ký kết Hợp đồng nên yêu cầu này của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận

[5] Về chi phí thẩm định: Nguyên đơn không yêu cầu chi phí thẩm định.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn là ông Vũ Tiến H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 2.053.849.001 đồng là: $[72.000.000đ + (2\% \times 53.849.000đ = 1.076.980 đ)] = 73.076.980$ đồng. Làm tròn: 73.076.000 đồng. (Bảy mươi ba triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP Q không phải nộp án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92; Điều 147; Điều 155, Điều 156; Điều 158 Khoản 3 Điều 228; của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 280; Điều 299; Điều 303; Điều 317, Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321; Điều 322; Điều 463; Điều 466; Điều 500; Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 91 và điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 167 Luật đất đai năm 2013.

Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q:

1. Buộc ông Vũ Tiến H2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi/phí tính đến ngày 26/05/2025 là: 2.053.849.001 đồng, bao gồm:

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 3640703.23 ngày 19/07/2023 là: 1.504.721.748 đồng, trong đó nợ gốc là: 1.300.000.000 đồng, nợ lãi là: 11.251.233 đồng, nợ lãi quá hạn là: 193.470.515 đồng;

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 2878802.23 ngày 05/10/2023 là: 547.116.250 đồng, trong đó nợ gốc là: 474.998.000 đồng, nợ lãi là: 28.186.755 đồng, nợ lãi quá hạn là: 43.931.495 đồng;

- Dư nợ theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 07/07/2023 là: 2.011.003 đồng, trong đó nợ gốc là: 0 đồng, nợ lãi quá hạn là: 11.003 đồng, phí là 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày 27/05/2025 cho đến khi thi hành xong bản án, ông Vũ Tiến H2 còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng đã ký.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

- Ngân hàng TMCP Q được quyền tiếp tục quản lý các giấy tờ xác lập quyền sở hữu sử dụng tài sản thế chấp.

- Sau khi ông Vũ Tiến H2 thi hành xong số tiền phải trả, thì Ngân hàng TMCP Q có trách nhiệm giải chấp cho ông Vũ Tiến H2 toàn bộ các giấy tờ gốc liên quan đến tài sản thế chấp.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ông Vũ Tiến H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu

Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp của Ông Vũ Tiến H2 để thu hồi nợ cụ thể là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 561+560, tờ bản đồ số: 33, địa chỉ: Tổ D, phường P, quận L, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DL 201485, vào sổ cấp GCN QSDĐ số: CN 02396 do Văn phòng C1 – chi nhánh quận L cấp ngày 20/06/2023, đứng tên ông Vũ Tiến H2 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 03088, quyền số 07.2023 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1 công chứng ngày 19/07/2023.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả Khoản nợ của Ông Vũ Tiến H2 với V1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết Khoản nợ thì Ông Vũ Tiến H2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V1.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Tiến H2 phải nộp số tiền là: 73.076.000 đồng (Bảy mươi ba triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Q số tiền là 34.193.000 đồng (Ba mươi tư triệu, một trăm chín mươi ba nghìn đồng), Ngân hàng TMCP Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000967 ngày 12 tháng 02 năm 2025.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6 Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND H. Nho Quan;
- Chi cục Thi hành án
H.NQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Thị Thanh Nhàn

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lâm Thị Thanh N1